

## CÁI THẦN TRONG THI CA QUA NHUẬN SẮC VÀ XƯƠNG HỌA

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Trong thi ca cổ điển, người xưa thường nói đến “cái thần” – phần tinh anh, linh diệu làm nên sức sống của câu thơ, vượt lên trên nghĩa chữ thông thường. “Thần” không nằm ở sự cầu kỳ của ngôn từ, mà thường xuất hiện ở những chỗ dụng tự tinh tế, nơi một chữ có thể làm đổi thay toàn bộ khí vận của câu thơ. Trường hợp câu tán trong vở tuồng *Diễn Võ Đình* của cụ Đào Tấn, được phu nhân Tôn Thất Nữ Ngọc Hoạt góp ý nhuận sắc, là một minh chứng tiêu biểu. Qua việc đối chiếu nguyên tác và bản sửa, có thể nhận ra rõ ràng quá trình hình thành “cái thần” trong thi ca từ một thay đổi tưởng chừng rất nhỏ.

TÔN THẤT NỮ NGỌC HOẠT (尊室女玉活) phu nhân, tức TÔN NỮ DIỆU KHANH (尊女妙卿), còn gọi là TÔN THẤT NỮ DIỆU TIÊN. Sinh năm 1852 (Nhâm Tý), tạ thế ngày 24 tháng 11 năm 1936, nhằm ngày 11 tháng 10 Bính Tý.

Bà là dâu họ Đào thuộc thế hệ Thứ 5, trong gia tộc quen gọi là Bà Bộ vì luôn luôn theo chồng (cụ Đào Tấn) đáo nhậm các nơi, từ địa phương đến kinh đô, nhưng không sinh con." Bà là bậc nữ lưu có văn tài đã phụ giúp chồng hoàn thiện kịch bản tuồng, mà Cụ Cử Nguyễn Trọng Tri đã kể lại trong tập hồi ký *Vân Sơn Tạp Bút*, như sau:

*“Vợ của ông Đào cũng rất thích thường thức tuồng. Tương truyền lúc soạn xong một tuồng, phu nhân đọc trước, có mấy ý tán thưởng, bình phẩm. Ông Đào có lúc cũng theo đó mà sửa lại tác phẩm của ông. Sau đó mới đưa ra diễn. Tôi đến nhà ông cũng được phu nhân hậu đãi. Như tuồng *Diễn Võ Đình*, ông Đào ban đầu viết: ‘**Phiêu** hồng thiên viễn cận, **độc** mã lộ tây đông’ (chim hồng phiêu bạt trên bầu trời xa gần, một ngựa trên đường đi nẻo đông nẻo tây); phu nhân xin đổi lại là ‘**Cô** hồng thiên viễn cận, **sắt** mã lộ tây đông’ (chim hồng lẻ trên bầu trời xa gần, chiếc {thúc} ngựa trên đường đi nẻo tây nẻo đông). Ông Đào cũng theo đó mà đổi...”*

“Tôi không tiện hỏi về chuyện này, nhưng kiến thức và tài làm thơ của Phu nhân tôi cũng kính phục vậy. Ông Đào từng nói: ‘Lúc tôi soạn tuồng Hộ Sanh Đàn muốn diễn tình cảm của Kỷ Lan Anh tôi thường hỏi người vợ hèn mọn của tôi. Chúng ta là đàn ông trong lòng làm sao biết được tình cảm của đàn bà? Chỉ có nữ lưu mới biết rõ được cảm xúc của họ. Ông Đào cũng có một bài thơ luật tặng nội tướng (tức là vợ) của ông rằng:

*Kỷ niên huy bút thực đồ lao  
Đa đắc phu nhân kiến giải cao.  
Trợ ngã soạn thành chi hí khúc,  
Thùy ngôn nhi nữ bất anh hào?*

“Phu nhân cũng họa lại rằng:

*Đặng hạ bồi quân bất đạn lao,  
Khuê trung thiển học cảm ngôn cao.  
Thi từ tình tiết nghi chiêm chước,  
Tham tán trai trung chỉ tự hào.”*

(*Vân Sơn Tập Bút*, nguyên tác bằng chữ Nho, Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm, biên dịch và đem vào tập *Hí Trường Tùy Bút*, trang 132-133).

Từ sự kiện trên, với bốn phạm của hàng hậu duệ, xin được tìm hiểu và phân tích các tầng chất thơ trong câu tuồng của Cụ Tăng Thúc tổ Đào Tấn, cùng sự nhuận sắc tinh tế của Cụ bà Ngọc Hoạt qua đoạn hồi ký này.

Cụ Đào từng hai lần đảm nhiệm trọng trách Tổng đốc An Tĩnh (lần đầu từ 1889–1893 và lần thứ hai từ 1898–1902). Chính trong nhiệm kỳ đầu tiên, giữa những bộn bề chính sự nơi đất Nghệ - Tĩnh, Cụ phải thức khuya dậy sớm dành tâm huyết soạn thảo vở tuồng *Diễn Võ Đình*. Tác phẩm gồm hai hồi với mười hai lớp kịch; trong đó, tại lớp cuối, khi nhân vật Triệu Khánh Sanh đơn thương độc mã thoát vòng vây, trên đường lánh nạn đã cất lên hai câu tán đây bi tráng:

- *Phiêu hồng thiên viễn cận; độc mã lộ tây đông* (Chim hồng phiêu bạt nơi trời xa gần; ngựa lẻ loi trên đường xuôi ngược đông tây).

Cụ bà Tôn Thất Nữ Ngọc Hoạt đã góp ý nhuận sắc thành:

- *Cô hồng thiên viễn cận; sắt mã lộ tây đông* (Chim hồng lẻ loi giữa trời xa gần; thúc ngựa trên đường xuôi ngược tây đông).

a/ Xét về thi pháp, sự thay đổi tuy chỉ ở hai chữ nhưng đã làm chuyển hóa rõ rệt thần thái câu thơ.

- Về đối ngẫu, hai vế đạt đến sự chỉnh tề cả về từ loại lẫn cấu trúc: “cô hồng” (danh + danh) đối với “sắt mã” (động + danh), “thiên” đối “lộ”, “viễn cận” đối “tây đông”, tạo nên một chỉnh thể cân xứng giữa không gian cao – thấp và các phạm trù phương hướng.

- Đáng chú ý hơn cả là thể đối tĩnh – động: “cô hồng” gợi hình ảnh tĩnh, treo giữa không trung, biểu tượng cho nỗi cô độc tuyệt đối; trong khi “sắt mã” lại là hành động thúc ngựa, mang nhịp đi gấp gáp. Lấy động để phá tĩnh, câu thơ không còn dừng ở sự đối xứng hình thức mà mở ra chiều sâu diễn đạt.

b/ Về ý tượng, “cô hồng” kế thừa hình ảnh cổ điển của thi ca phương Đông, tượng trưng cho thân phận lữ khách, ly biệt và cô đơn; còn “sắt mã” biểu hiện sự lên đường trong thế bất đắc dĩ, không thể dừng lại. Hai vế kết hợp lại thành một chỉnh thể: trên là nỗi cô trong cảnh, dưới là nỗi cô trong hành.

c/ Về phương pháp so sánh, nguyên tác, “phiêu hồng” thiên về sự trôi dạt, còn “cô hồng” nhấn mạnh trạng thái cô độc; “độc mã” chỉ sự đơn lẻ, trong khi “sắt mã” đưa vào động tác, tạo nhịp vận động. Chính sự chuyển đổi này đã làm bật lên cái “thần” của câu thơ: không chỉ là cảnh lữ thứ, mà là một thân cô độc vẫn phải tiếp tục hành trình.

d/ Tóm lại, câu tán Cự Bà nhuần sắc, chữ “叱馬” (sắt mã) không chỉ mang nghĩa thúc ngựa mà còn tạo thế động, đối ứng tinh tế với “孤鴻” (cô hồng) ở vế trên. “Cô hồng” là hình ảnh tĩnh, gợi cảnh chim lẻ loi giữa không trung, biểu trưng cho nỗi cô độc; trong khi “sắt mã” lại là hành động thúc ngựa lên đường, biểu hiện sự vận động. Hai hình ảnh một tĩnh một động, trên cao dưới thấp, đã tạo thành thế đối chỉnh đầy sinh động.

Hơn nữa, việc thay “độc mã” bằng “sắt mã” không chỉ tránh lặp ý cô đơn, mà còn làm nổi bật cái cô độc trong hành trình: một mình vẫn phải tự thúc mình tiến bước. Dùng “động” để tả “cô”, khiến ý thơ vừa có sinh khí, vừa giữ được thần thái cô liêu, thể hiện sự tinh tế trong dụng tự của Cự bà.

Sự nhuần sắc ấy cho thấy, trong thi ca, sửa chữ không đơn thuần là chỉnh hình, mà là tinh luyện để đạt đến chiều sâu cảm xúc. Đồng thời, cũng góp phần khẳng định vai trò tinh tế và đáng trân trọng của Cự bà Tôn Thất Nữ Ngọc Hoạt trong việc hoàn thiện tác phẩm của Cự Đào.

Sự tương giao ấy không chỉ dừng lại ở những con chữ trên bản thảo, mà còn là kết tinh của một mối tâm giao tri kỷ, nơi cung đàn và nhịp phách luôn tìm thấy sự đồng điệu. Chính sự trân trọng tài năng của phu nhân mà Cự Đào đã gửi gắm nỗi lòng qua bài thơ xướng, để rồi từ đó, một đóa hoa văn chương khác lại nở rộ qua vần họa đáp của Cự bà.

#### Nguyên tác bài Xướng

幾年揮筆寔徒勞  
 多得夫人見解高  
 助我撰成之戲曲  
 誰言兒女不英豪

Commented [d1]:

**Phiên âm**

*Kỷ niên huy bút thực đồ lao,  
Đa đắc phu nhân kiến giải cao.  
Trợ ngã soạn thành chi hí khúc,  
Thùy ngôn nhi nữ bất anh hào?*

**Phụng dịch nguyên thể**

*Mấy năm múa bút luống công lao,  
May được phu nhân kiến giải cao.  
Giúp sức soạn thành bao khúc diễn,  
Nữ nhi, ai bảo chẳng anh hào?*

**Nguyên tác, bài Họa**

燈下陪君不憚勞  
閨中淺學敢言高  
詩詞情節宜斟酌  
參贊齋中只自豪

**Phiên âm**

*Đăng hạ bồi quân bất đạn lao,  
Khuê trung thiển học cảm ngôn cao.  
Thi từ tình tiết nghi chiêm chước,  
Tham tán trai trung chi tự hào.*

**Phụng dịch nguyên thể**

*Dưới đèn hầu bạn quản chi lao,  
Học cạn phòng khuê dám luận cao.  
Tình tiết thi từ xin sửa đỏi,  
Phòng trai tham góp chút thêm hào.*

Cảm kích trước tài năng và sự trợ giúp của Phu nhân, Cụ Tăng Thúc tổ Đào Tấn đã có bài xướng để bày tỏ lòng tri ngộ; Phu nhân Tôn Thất Nữ Ngọc Hoạt khiêm nhường đáp họa, thể hiện phong thái tao nhã và mực thước của bậc khuê các mà vẫn hàm chứa khí độ hơn người.

Bài xướng của Cụ Đào trước hết là lời tự thuật, nhưng thực chất là lời tôn vinh. Câu mở "*kỷ niên huy bút thực đồ lao*" không chỉ là tự khiêm, mà còn là cách nâng cao vai trò của người tri âm. Hai câu tiếp, đặc biệt là "*đa đắc phu nhân kiến giải cao*" và "*trợ ngã soạn thành chi hí khúc*", đã xác nhận rõ ràng công lao và tầm nhìn của Phu nhân trong quá trình hoàn thiện kịch bản tuồng.

Đến câu kết "*thùy ngôn nhi nữ bất anh hào*", ý thơ bỗng chuyển mạnh từ tri ân cá nhân sang khẳng định mang tính khái quát: không chỉ riêng Phu nhân, mà rộng hơn là lời bác bỏ quan niệm xem nhẹ nữ nhi. Tứ thơ vì thế vừa có tình, vừa có khí, vượt khỏi phạm vi gia đình để chạm tới ý nghĩa xã hội.

Bài họa của Phu nhân Tôn Thất Nữ Ngọc Hoạch lại chọn lối đáp đầy khiêm tốn mà thâm trầm. *“Đặng hạ bồi quân bất đạn lao”* gọi cảnh phu thê đồng tâm nơi án thư dưới đèn, vừa ấm áp vừa kín đáo. *“Khuê trung thiên học cảm ngôn cao”* là lời tự hạ, nhưng chính trong cái *“thiên học”* ấy lại toát lên phong thái nhún nhường của người thực học.

Hai câu sau chuyển sang bình luận trực tiếp về công việc sáng tác: *“thi từ tình tiết nghi châm chước”* cho thấy sự cẩn trọng, tinh vi trong việc cân nhắc từng chi tiết; *“tham tán trai trung chỉ tự hào”* vừa là lời nhận phần đóng góp, vừa giữ đúng lễ độ khuê môn, không vượt quá khuôn phép.

Đặt hai bài thơ trong thế đối xứng, có thể thấy một sự tương ứng hài hòa: một bên đề cao, một bên khiêm nhường; một bên khẳng định khí độ, một bên giữ lễ mà không mất phần tự chủ. Chính sự xướng – họa ấy không chỉ là giao cảm văn chương, mà còn phản ánh mối tri âm tri kỷ giữa hai con người đồng điệu về học vấn và tâm hồn.

Qua đó, càng thấy rõ vai trò của Phu nhân trong đời sống sáng tác của Cụ Đào: không chỉ là người *“hầu bạn dưới đèn”*, mà thực sự là người tham dự vào quá trình hình thành và tinh luyện tác phẩm. Sự kết hợp ấy làm nên một vẻ đẹp hiếm có: nơi tài năng và đức hạnh, văn chương và nghĩa tình cùng hòa quyện trong một chỉnh thể.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG  
(Đào Gia Thế Phả, 2025,  
Trích Phả hệ, trang 128-132)